

# MỘT VÀI KHẢO SÁT VỀ ĐẶC ĐIỂM VĂN HÓA CỦA NGƯỜI CHÂU ÂU VÀ NGƯỜI VIỆT THỂ HIỆN QUA LỜI KHEN

*Bùi Thị Phương Chi\**  
*Phạm Thị Thu Hà\*\**

## I. Đặt vấn đề

Như chúng ta đã biết, giao tiếp, ngôn ngữ và văn hoá là những yếu tố không thể tách rời nhau được. Để có thể giao tiếp tốt, chúng ta không chỉ cần phải thành thạo về ngôn ngữ, mà còn phải hiểu biết về văn hoá của dân tộc sử dụng ngôn ngữ đó. Sự khác nhau về văn hoá sẽ là rào cản lớn gây khó khăn trong quá trình giao tiếp. Theo Levin (1987:16) mỗi ngôn ngữ có qui tắc giao tiếp riêng và mỗi nền văn hoá có qui định về việc con người phải giao tiếp với nhau thế nào. Những qui định này có thể là luật bất thành văn nhưng mọi người cùng sống trong một nền văn hoá đều biết và làm theo.

Khen là nhu cầu riêng của mỗi người, thể hiện sự đánh giá, sự ngưỡng mộ của một người với vẻ bề ngoài, cuộc sống sinh hoạt, công việc và sở thích của người khác. Nghĩa là, lời khen rõ ràng ít nhiều thể hiện giá trị văn hoá của một dân tộc. Trong

---

\*, \*\* Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt cho người nước ngoài, Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQG TP.HCM.

sinh hoạt ngôn ngữ hàng ngày bằng tiếng mẹ đẻ, chúng ta thường ít chú ý đến cách giao tiếp với mọi người. Chỉ khi nghiên cứu một ngôn ngữ khác và làm quen với một nền văn hoá khác chúng ta mới có sự so sánh và xem xét sự khác nhau và giống nhau giữa các ngôn ngữ và các nền văn hoá. Ta có thể thấy được sự khác nhau và giống nhau này qua lời khen trong giao tiếp.

Bài viết này chúng tôi đề cập đến một số đặc điểm tâm lý của người châu Âu và người Việt khi thực hiện lời khen. Qua đây chúng tôi muốn: 1) Tìm sự tương đồng và sự khác biệt trong việc sử dụng lời khen của người châu Âu và người Việt Nam. 2) Đưa ra một số ý kiến đề xuất trong việc dạy cách khen và đáp lại lời khen cho sinh viên nước ngoài học tiếng Việt.

## II. Cơ sở lý thuyết

### 1. Định nghĩa: *Khen là gì?*

Theo từ điển Oxford Advance Learner's Dictionary (1992), lời khen là sự biểu lộ sự ca ngợi, tán phục, tán đồng,... Bạn có thể khen bất kỳ người nào bạn có dịp gặp gỡ, đó có thể là một người bạn thân hoặc một ai đó mà bạn gặp. Đôi khi bạn có thể khen một người không quen biết để lấy thông tin.

Manes và Wolfson (1983) cho rằng chức năng chính của lời khen là sự hình thành và củng cố mối quan hệ giữa người nói và người nghe. Với mục đích này, khía cạnh bình luận của lời khen phải lui xuống hàng thứ yếu và yếu tố tán đồng và sự giống nhau về sở thích, ý muốn được đưa lên hàng ưu tiên. Họ cũng cho rằng chức năng của lời khen là làm dịu bớt sự phức tạp của các mối quan hệ xã hội. Trong quan hệ xã giao hàng ngày, lời khen có thể thay thế lời chào khi bạn bè và những người quen biết gặp nhau. Tương tự như vậy, Homes (1984) chỉ ra rằng chức năng quan trọng nhất của lời khen là để "làm tăng thêm và thắt chặt tình đoàn kết giữa người nghe và người nói".

Điều này cho thấy lời khen, cũng như việc đáp lại lời khen liên quan chặt chẽ đến việc giao tiếp qua lại và muốn hiểu rõ chúng ta cần tìm hiểu thêm về phép lịch sự trong giao tiếp.

## 2. Phép lịch sự

Lịch sự là nhu cầu không thể thiếu trong giao tiếp. Việc này cũng đã trở thành mối quan tâm lớn của các nhà ngôn ngữ học, xã hội học và triết học ngôn ngữ như Lakoff (1973), Leech (1983), Brown và Levinson (1978, 1987), Fraser (1990). Họ nghiên cứu phép lịch sự từ các góc độ khác nhau: Brown và Levinson coi phép lịch sự như một hành vi thể diện; Fraser thì nhìn phép lịch sự ở góc độ hợp tác hội thoại.

Theo Brown và Levinson có hai loại thể diện: thể diện tích cực và thể diện tiêu cực. Thể diện tích cực là mong muốn có được sự tán đồng, yêu thích của người khác. Khen thưởng là để làm vui lòng người khác, nhưng đôi khi có tác dụng ngược lại. Khen không đúng đối tượng, không đúng chỗ hoặc không thật lòng có thể gây tác động khó lường đối với người nghe hoặc có thể dẫn đến sự hiểu lầm giữa người nói và người nghe.

Theo Brown và Levinson, trong giao tiếp muốn thể hiện phép lịch sự người nói cần phải làm mọi cách để chứng tỏ sự quan tâm đến người nghe, thu hút sự chú ý của người nghe. Ví dụ như: chú ý đến nhu cầu và sự hứng thú của người nghe, cường điệu sự quan tâm, tán đồng, thông cảm với người nghe, làm tăng sự hứng thú của người nghe, tìm kiếm sự đồng ý, tránh bất đồng.

Theo Leech, phép lịch sự liên quan mật thiết đến lợi ích hoặc giá trị của người khác. Do vậy, mục đích của phép lịch sự là giảm tối thiểu bất lịch sự, tăng tối đa tính lịch sự. Nguyên tắc lịch sự của Leech được phân làm 6 yếu tố chuẩn mực như sau:

1. *Khéo léo*: ít làm tổn hại đến người khác.
2. *Hào hiệp*: giảm bớt sự thể hiện quan điểm có lợi cho bản thân.
3. *Tán dương*: giảm bớt sự thể hiện khiếm khuyết của người khác.
4. *Khiêm tốn*: ít tự ca ngợi bản thân; nói nhiều đến những cái chưa đạt được.
5. *Nhất trí*: giảm bớt sự bất đồng với người khác. Cố gắng tạo sự nhất trí, xoá khoảng cách với người giao tiếp.
6. *Đồng tình*: giảm bớt sự đối lập, tăng cường sự đồng tình giữa hai bên.

Tóm lại, nếu muốn thể hiện lời khen phù hợp với ngữ cảnh và tình cảm của người nghe, chúng ta phải tuân thủ các nguyên tắc về phép lịch sự. Chỉ như vậy lời khen mới đạt được mục đích tăng cường cộng tác trong hội thoại.

### **III. Khảo sát và đối tượng khảo sát**

#### **1. Khảo sát**

Để đạt được mục đích của bài viết này chúng tôi dùng phương pháp điều tra mức độ thể hiện lời khen, tổng hợp và phân tích kết quả thu được để tìm hiểu đặc điểm tâm lý, văn hoá của người châu Âu và người Việt thể hiện qua hành động khen.

#### **2. Đối tượng khảo sát**

Các đối tượng điều tra được chia thành 2 nhóm như sau:

- Nhóm A gồm 30 người là người châu Âu (15 nam, 15 nữ). Họ là sinh viên khoa Việt Nam học của trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và một số nhân viên công ty. Hầu hết mới bắt đầu học tiếng Việt, tuổi từ 20 đến 35.

- Nhóm B gồm 30 người Việt Nam (15 nam, 15 nữ) là sinh viên và giáo viên của trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, tuổi từ 20 đến 40.

Phiếu điều tra bao gồm những câu hỏi, tình huống đưa ra lời khen bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Các câu hỏi và tình huống đưa ra đều liên quan chặt chẽ đến các chủ đề về đời sống hàng ngày như sự khéo léo và tài năng, sự thành đạt trong công việc, vật dụng cá nhân, vẻ bề ngoài của mỗi người và gia đình. Sau khi phân tích các số liệu thu thập được ta sẽ có được kết quả điều tra.

### **3. Hạn chế của bài nghiên cứu**

Việc thực hiện lời khen phụ thuộc vào nhiều yếu tố, đặc biệt là quan hệ xã hội: giới tính, quyền lực, khoảng cách xã hội, tuổi tác... Việc nghiên cứu của chúng tôi chỉ giới hạn ở các đối tượng có trình độ đại học, trong mối quan hệ giữa bạn bè và người quen ở độ tuổi từ 20 đến 40. Vì vậy, kết quả khảo sát chỉ thể hiện được một phần nào đặc điểm tâm lý của hai dân tộc.

Việc khen được thực hiện ở nhiều phương diện của cuộc sống. Trong khuôn khổ của bài viết này chúng tôi đề cập đến năm chủ đề thường được dùng để thực hiện lời khen là sự khéo léo và tài năng, thành công trong công việc, vật dụng cá nhân, vẻ bên ngoài và gia đình.

### **4. Kết quả khảo sát**

Sau khi thu lại phiếu khảo sát mức độ thường xuyên sử dụng lời khen trong các tình huống của các nhóm và tính toán số liệu, chúng tôi thu được những kết quả như sau:

Các số liệu được tính theo phần trăm

#### **4.1 Nhóm A (nhóm người châu Âu)**

Kết quả khảo sát ở nhóm A cho thấy, khi khen về:

- *Khả năng và tài năng*: Tất cả nam và nữ đều quan tâm đến việc khen tài năng và khả năng của bạn bè, nhưng mức độ thường xuyên của nữ cao hơn nam. 50% nữ chọn “rất thường xuyên” trong khi đó nam không ai chọn mức này. Điều này cho thấy nữ có xu hướng thể hiện sự ngưỡng mộ về tài năng của người khác hơn nam giới.

- *Sự thành đạt trong công việc*: 40% nam chọn “thường” khen; tỷ lệ của nữ là 50%. Ở mức độ “đôi khi” khen của nam và nữ là bằng nhau (50%). Kết quả này cho thấy 100% nữ và 90% nam có hành động khen về sự thành đạt trong công việc của bạn bè.

- *Các vật dụng cá nhân*: Chỉ có 30% nữ chọn mức “thường xuyên” không có người đàn ông nào rất thường xuyên hay thường xuyên khen các vật dụng cá nhân; 30% nam với 40% nữ chọn “thỉnh thoảng”; 50% nam với 30% nữ chọn “ít khi” và. Theo kết quả này, chúng ta thấy, đồ dùng cá nhân của bạn bè không phải lúc nào cũng là chủ đề hấp dẫn cho mọi người khen.

- *Vẻ bề ngoài*: 20% nam với 50% nữ chọn “thường xuyên”, ở đây chúng ta thấy phụ nữ thường khen vẻ bề ngoài của bạn họ, trong khi nam ít khen hơn (chỉ 20% người chọn thường xuyên)

- *Gia đình*: Kết quả cho thấy chỉ có 20% nữ khen gia đình của người khác. Như vậy, người châu Âu không thích khen gia đình người khác.

## **4.2 Nhóm B (nhóm người Việt)**

Khảo sát ở nhóm B cho thấy kết quả khi nói về:

- *Sự khéo léo và tài năng*: Có đến 80% nữ và 60% nam chọn “rất thường xuyên” và “thường xuyên”. Điều này chứng tỏ rằng cả nam và nữ người Việt thường quan tâm và thể hiện sự ngưỡng mộ đối với sự khéo léo và tài năng của bạn bè.

- *Sự thành đạt trong công việc*: Tỷ lệ chọn mức độ “rất thường xuyên” và “thường xuyên” của nam là 50% và nữ là 60%; và 40% nam và nữ chọn mức độ “thỉnh thoảng”. Kết quả cho thấy sự thành đạt trong công việc cũng là chủ đề quan trọng để khen ngợi.

- *Các vật dụng cá nhân*: kết quả 40% nam và 60% nữ chọn “rất thường xuyên” cho thấy họ thích khen vật dụng cá nhân của bạn.

- *Vẻ bề ngoài*: 20% nam và 50% nữ chọn “thường xuyên”, điều này chứng tỏ rằng nữ thường khen vẻ bề ngoài nhiều hơn nam.

- *Gia đình*: Kết quả cho thấy có đến 90% nữ và 60% nam chọn mức “thường xuyên” và “rất thường xuyên”. Như vậy, chúng tỏ người Việt rất quan tâm đến gia đình bạn bè và họ hiểu rằng việc khen gia đình có thể làm người đối diện hạnh diện và hạnh phúc hơn.

Từ hai bảng trên chúng ta có thể thấy các kết quả như sau khi khen về:

1. *Sự khéo léo và tài năng*: Đối với cả hai nhóm, là đề tài hấp dẫn để khen của cả nam và nữ.

2. *Sự thành đạt trong công việc*: cả hai nhóm đều thích khen thành tích trong công việc. Nhóm người Việt thích nhiều hơn người châu Âu.

3. *Các vật dụng cá nhân*: Người Việt rất thích khen vật dụng cá nhân của người khác, còn nhóm người Anh thì ngược lại.

4. *Vẻ bề ngoài*: Nữ của cả 2 nhóm đều quan tâm đến vấn đề này, trong khi đó nam không thích.

5. *Gia đình*: phần lớn người châu Âu không thích khen gia đình người khác. Điều này có thể giải thích là họ nghĩ đây là vấn đề riêng tư. Tuy nhiên, người Việt lại quan tâm đến gia đình bạn bè hơn và thể hiện điều đó qua lời khen.

Dựa vào những phát hiện trên, chúng ta có thể thấy hầu hết những người trả lời câu hỏi khảo sát đều thích khen sự khéo léo và tài năng của bạn mình. Một số người châu Âu nghĩ rằng chỉ nên khen về bề ngoài của phụ nữ, không nên khen về bề ngoài của đàn ông. Trong trường hợp này, người Việt không có ý kiến là đồng ý hay không, vì văn hoá Việt Nam cho phép người Việt khen bất cứ ai, nếu lời khen phù hợp với hoàn cảnh và tâm trạng người được khen, như người Việt Nam có câu “Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”.

Trả lời câu hỏi về vật dụng cá nhân, một số người châu Âu nói rằng, đối với họ nếu khen đồ ai đó đang mặc trên người là mất lịch sự. Có lẽ đây là nguyên nhân tại sao nhóm người châu Âu không ai chọn “rất thường xuyên” cho việc khen vật dụng cá nhân. Ngược lại, người Việt Nam thường rất tự hào về những gì mình có và họ luôn có ý muốn chia sẻ với bạn bè niềm vui của mình khi họ có được thứ gì đó đẹp hoặc mới. Thói quen này giải thích tại sao có nhiều người Việt thích khen vật dụng cá nhân. 40% nam và 60% nữ người Việt chọn “rất thường xuyên”.

Các kết quả cho thấy rằng hầu hết những người được khảo sát ở nhóm A không thích khen gia đình bạn mình. Một số người châu Âu nhấn mạnh rằng, họ không nên khen vợ của bạn, mà chỉ khen vợ bạn nấu ăn ngon. Có nghĩa là khi khen người trong gia đình, người ta cố gắng tránh làm mất lòng người khác. Người Việt thì thường thể hiện lời khen hơn. Tuy nhiên, một số người Việt Nam (đặc biệt là các bậc cha mẹ có quan niệm xưa) không thích nhận những lời khen như: “Con anh (chị) mập quá nhỉ?” hay “Con trai chị (anh) ăn nhiều”... Họ nghĩ rằng những đứa trẻ sẽ gặp chuyện không lành sau khi nhận những lời khen đó.

#### IV. Một số ý kiến đề xuất

Như chúng tôi đã nói, khen là hành động lời nói, mà người nói dùng khi muốn làm vừa lòng người nghe. Lời khen đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành các mối quan hệ giao tiếp. Do vậy việc dạy cho sinh viên cách thực hiện lời khen và cách người Việt khen người khác là điều quan trọng.

Dạy tiếng Việt không phải chỉ cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ, mà còn phải giúp họ hiểu biết thêm về văn hoá Việt Nam. Lời khen trong tiếng Việt có khi là sự bắt đầu tốt đẹp của một cuộc nói chuyện hay một mối quan hệ lâu dài. Đặc biệt, người giáo viên cần nêu ra được sự giống nhau và khác nhau trong việc sử dụng lời khen giữa văn hoá Việt Nam và văn hoá bản xứ của người học. Điều này rất quan trọng vì sẽ giúp sinh viên tránh bị hiểu lầm khi giao tiếp. Cụ thể hơn, khi dạy, đặc biệt là với các giáo trình được viết theo các chủ đề về về bên ngoài, gia đình, nhà ở... chúng ta nên giới thiệu với sinh viên cách khen của người Việt và so sánh với cách khen của người châu Âu hoặc ngược lại. Ví dụ, khi thấy bạn mặc áo mới rất đẹp. Người châu Âu nói: "*Cái áo của bạn đẹp quá!*", người Việt thường nói: "*Áo đẹp quá! Mua bao nhiêu vậy?*" Lời khen kèm theo câu hỏi của người Việt có thể làm cho người châu Âu khó hiểu hoặc khó trả lời vì người châu Âu không biết phải trả lời thế nào, giá của cái áo có thể là rất cao, cũng có thể là thấp trong suy nghĩ của người hỏi. Nếu là cao thì sẽ bị cho là mua đắt, hoang phí. Nếu là thấp sẽ bị nghĩ là mua đồ rẻ tiền. Với người châu Âu tốt nhất chúng ta không nên hỏi như vậy. Hay một ví dụ khác, theo như kết quả khảo sát, người châu Âu không thích người khác khen vợ mình đẹp, nhưng người Việt thì lại có câu "*Giàu vì bạn, sang vì vợ*", người đàn ông Việt Nam thường thích người khác khen vợ mình đẹp, giỏi giang. Người Việt có thể khen một người phụ nữ mới quen, khi gặp người ấy đi cùng với con gái đã lớn "*Con gái lớn mà trông chị trẻ quá. Năm nay chị bao nhiêu rồi?*" Người châu Âu không hiểu văn

hoá Việt Nam sẽ không chấp nhận được lời khen này vì họ không thích nói tuổi của mình cho người mới quen... Rất nhiều những sự khác nhau trong văn hoá các dân tộc đòi hỏi các giáo viên dạy tiếng Việt phải tìm hiểu văn hoá Việt Nam và văn hoá phương Tây để có thể giúp sinh viên học tốt tiếng Việt. Ý thức được điều này có thể làm tăng sự tự tin trong khi sử dụng ngôn ngữ và khả năng hoà nhập vào các cuộc hội thoại bằng tiếng Việt

## V. Kết luận

Trong giao tiếp, đặc biệt là giao tiếp với người thuộc nền văn hoá khác, ngoài việc “tự biết mình và tình cảm của mình với những người khác, để cuối cùng có được cách giao tiếp phù hợp” (Bell, 1981:152) hoặc tuân thủ nguyên tắc lịch sự của Leech hay các nhà xã hội học khác đưa ra, thì kiến thức về văn hoá dân tộc là phần không thể thiếu được. Hiểu được tâm lý, suy nghĩ của người đối thoại, thì lời khen mới đạt được mục đích củng cố mối quan hệ giữa người nói với người nghe. Lời khen được thực hiện chứng tỏ sự thành công trong việc tuân thủ nguyên tắc lịch sự của những người tham gia đối thoại.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brown, P. & Levinson, S. C. (1987). *Politeness*. Cambridge University Press.
2. Homes, J. (1984). *Modifying illocutionary force*. *Journal of Pragmatics* 8:345-356.
3. Leech, G.N. (1983). *Principles of pragmatics*. London: Longman.
4. Levine, D. R. Baxter, J & Nulty, P. Mc. *The culture Puzzle Cross-Cultural Communication for English as a second*

*language*. Prentice Hall Regents, Englewood Cliffs. NJ 07632.

5. Manes, J. (1983). *Compliments: a mirror of cultural values*. Newbury House, Rowley Massachusetts pp. 96-102.
6. Nguyễn Đức Dân (1988). *Ngữ dụng học*. NXB Giáo dục.
7. Nguyễn Văn Khang (1999). *Ngôn ngữ xã hội học*. NXB Khoa học Xã hội.
8. Tillit, B. & Bruder, M.N. (1989). *Speaking Naturally*. Cambridge University Press.
9. Valdes, Y. M. (1990). *Culture Bound-Bridging the cultural gap in language teaching*. Cambridge University Press.